

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100488562 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 01/03/2017)

Địa chỉ: Số 01 đường Hoàng Văn Thái, Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 0232.3889288

Fax: 0232.3889279

Website: www.urencoquangbinh.com.vn

Email: urencoqb@gmail.com

Quảng Bình, tháng 3 năm 2020

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
II. NỘI DUNG	5
1. Thông tin chung	5
2. Thông tin khái quát:	5
3. Quá trình hình thành và phát triển:	5
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty.....	7
4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty :.....	7
4.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:.....	7
5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
5.1 Mô hình quản trị Công ty:.....	7
5.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:	10
5.3 Các công ty con, công ty liên kết:.....	13
6. Định hướng phát triển	13
6.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:	13
6.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:	13
6.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng).....	14
7. Các rủi ro	14
7.1 Rủi ro kinh tế:	14
7.2 Rủi ro về lạm phát:.....	14
7.3 Rủi ro luật pháp:	15
7.4 Rủi ro đặc thù ngành.....	15
7.5 Rủi ro khác:.....	15
III. Tình hình hoạt động trong năm	15
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	15
1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:	15
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:.....	16
2. Tổ chức và nhân sự:	16
2.1 Danh sách ban điều hành:	16
2.2 Những thay đổi ban điều hành:.....	20
2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:	20
□ Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:.....	21
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	22
3.1 Các khoản đầu tư lớn:	22
3.2 Các công ty con, công ty liên kết:.....	22
4. Tình hình tài chính	22
4.1 Tình hình tài chính:	22
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	23
5.1 Cổ phần:	23
5.2 Cơ cấu cổ đông:	23
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.	24
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không	24



5.5 Các chứng khoán khác: Không.....	24
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	24
6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:.....	24
6.2 Tiêu thụ năng lượng:.....	24
6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)	24
6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:	24
6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:.....	24
6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	25
6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:	25
IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).....	25
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	25
2. Tình hình tài chính	26
2.1 Tình hình tài sản:	26
2.2 Tình hình nợ phải trả:	27
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	27
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	27
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.....	28
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty 28	
V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần).....	29
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	29
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	29
2.1 Những việc đã làm được:.....	29
2.2 Những hạn chế cần khắc phục:	29
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	30
VI. Quản trị công ty	30
1. Hội đồng quản trị.....	30
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:	30
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:	31
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	31
1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:	31
1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:	31
2. Ban Kiểm soát	31
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:.....	31
2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:	31
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám	

đốc và Ban kiểm soát.....	32
3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:.....	32
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:	32
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:.....	32
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:	32
VII. Báo cáo tài chính.....	32
1. Ý kiến kiểm toán	32
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	33

S
Y
N
3
0
VI
SA

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

QĐ:	Quyết định
UBND:	Ủy ban nhân dân
DTT:	Doanh thu thuần
TSCĐ:	Tài sản cố định
BCTC:	Báo cáo tài chính
HĐQT:	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CMND:	Chứng minh nhân dân
CTCP:	Công ty cổ phần

I. NỘI DUNG

1. Thông tin chung

2. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình
- Tên tiếng Anh: Quang Binh Environment and Urban Development Joint Stock Company
- Tên viết tắt: QBURENCO
- Trụ sở chính: Số 01 đường Hoàng Văn Thái, phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 0232.3889288
- Fax: 0232.3889279
- Email: urencoqb@gmail.com
- Website: www.urencoquangbinh.com.vn
- Vốn điều lệ đăng ký: 36.756.750.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 36.756.750.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Đức Thái** – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 3100488562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 12/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 27/04/2018
- Ngày trở thành Công ty đại chúng: 16/05/2017 (theo công văn số 2712/UBCK-GSDC ngày 16/05/2017 của UBCKNN)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Vệ sinh môi trường; Quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; QLVH hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.
- Mã chứng khoán: MQB (Sàn giao dịch: UPCOM)

3. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình được thành lập theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Bình. Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình là doanh nghiệp công ích, 100% vốn Nhà nước và hoạt động trong lĩnh vực môi trường, phát triển đô thị. Bên cạnh đó, Công ty là chủ đầu tư, xây dựng các công trình vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị từ nguồn vốn ODA và ngân sách do UBND tỉnh Quảng Bình giao.

Ngày 12/02/2015, UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình thành công ty cổ phần, trong đó: Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa là 36.756.750.000 đồng và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Vốn nhà nước	2.385.513	23.855.130.000	64,90%
2	Bán cho CBCNV	467.100	4.671.000.000	12,71%

2.1	Bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước	221.600	2.216.000.000	6,03%
2.2	Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc tại CTCP	245.500	2.455.000.000	6,68%
3	Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO)	823.062	8.230.620.000	22,39%
	Tổng cộng	3.675.675	36.756.750.000	100%

Căn cứ Phương án cổ phần hóa được phê duyệt, ngày 17/04/2015, Công ty đã tổ chức bán đấu giá công khai 823.062 cổ phần lần đầu ra bên ngoài tại trụ sở chính của Công ty, với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần. Kết quả đấu giá: có 200 cổ phần được phân phối cho 02 nhà đầu tư đăng ký tham gia với giá trúng thành công bình quân là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 19/06/2015, UBND tỉnh Quảng Bình ra Quyết định số 1653/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH MTV Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình thành Công ty cổ phần, theo đó, vốn nhà nước là 32.125.750.000 đồng, chiếm 87,40% vốn điều lệ; vốn cổ đông khác là 4.631.000.000 đồng, chiếm 12,60% vốn điều lệ.

Ngày 16/02/2017, Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để chuyển đổi mô hình từ công ty TNHH MTV sang mô hình Công ty cổ phần.

Ngày 01/03/2017, Công ty chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100488562 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 12/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 01/03/2017. Vốn điều lệ của Công ty là 36.756.750.000 đồng.

Ngày 01/11/2017, Công ty chính thức giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCOM (Mã chứng khoán MQB) theo Quyết định số 906/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện chủ trương thoái phần vốn Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020 và các văn bản khác có liên quan, trong năm 2018, UBND tỉnh Quảng Bình đã triển khai phương án bán bớt 827.027 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 22,5% vốn điều lệ của công ty theo phương thức giao dịch (khớp lệnh, thỏa thuận) theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả giao dịch, UBND tỉnh Quảng Bình đã bán được 217.400 cổ phần trong tổng số 827.027 cổ phần đăng ký bán. Số cổ phần UBND tỉnh Quảng Bình nắm giữ còn lại tại Công ty sau đợt thoái vốn là 2.995.175 cổ phần, chiếm 81,49% vốn điều lệ Công ty.

Tiếp tục triển khai thoái vốn Nhà nước theo lộ trình, trong năm 2019, UBND tỉnh Quảng Bình dự kiến thực hiện chuyển nhượng 1.120.546 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 30,49% vốn điều lệ tại Công ty, sau khi chuyển nhượng, UBND tỉnh Quảng Bình nắm giữ còn lại 51% vốn điều lệ. Việc chuyển nhượng vốn được thực hiện theo phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định. Tuy nhiên, đến hết thời hạn nhận đơn đăng ký tham gia đấu giá, không có nhà đầu tư



đăng ký mua, căn cứ quy chế đấu giá, cuộc đấu giá không đủ điều kiện tổ chức. Kết quả, UBND tỉnh Quảng Bình tiếp tục nắm giữ 2.995.175 cổ phần tại Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển Quảng Bình, tương đương 81,49% vốn điều lệ Công ty đến nay.

Trải qua nhiều năm phát triển và trưởng thành, Công ty là đơn vị có nhiều kinh nghiệm cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải, quản lý điện chiếu sáng công cộng cho địa bàn thành phố Đồng Hới và các khu vực lân cận.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3100488562 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 27 tháng 04 năm 2018, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, quản lý và vận hành rác thải	3811
2	Hoạt động dịch vụ tang lễ Chi tiết: Dịch vụ đưa tang	9632
3	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo công nhân trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường	8532
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế, thẩm tra công trình dân dụng, công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, đánh giá tác động môi trường; Giám sát, thi công các công trình dân dụng cấp thoát nước, điện chiếu sáng công cộng và các công trình khác.	7110
5	Lắp đặt hệ thống điện: Quản lý, duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng đô thị	4321

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Thu gom, vận chuyển xử lý rác thải; Quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

4.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:

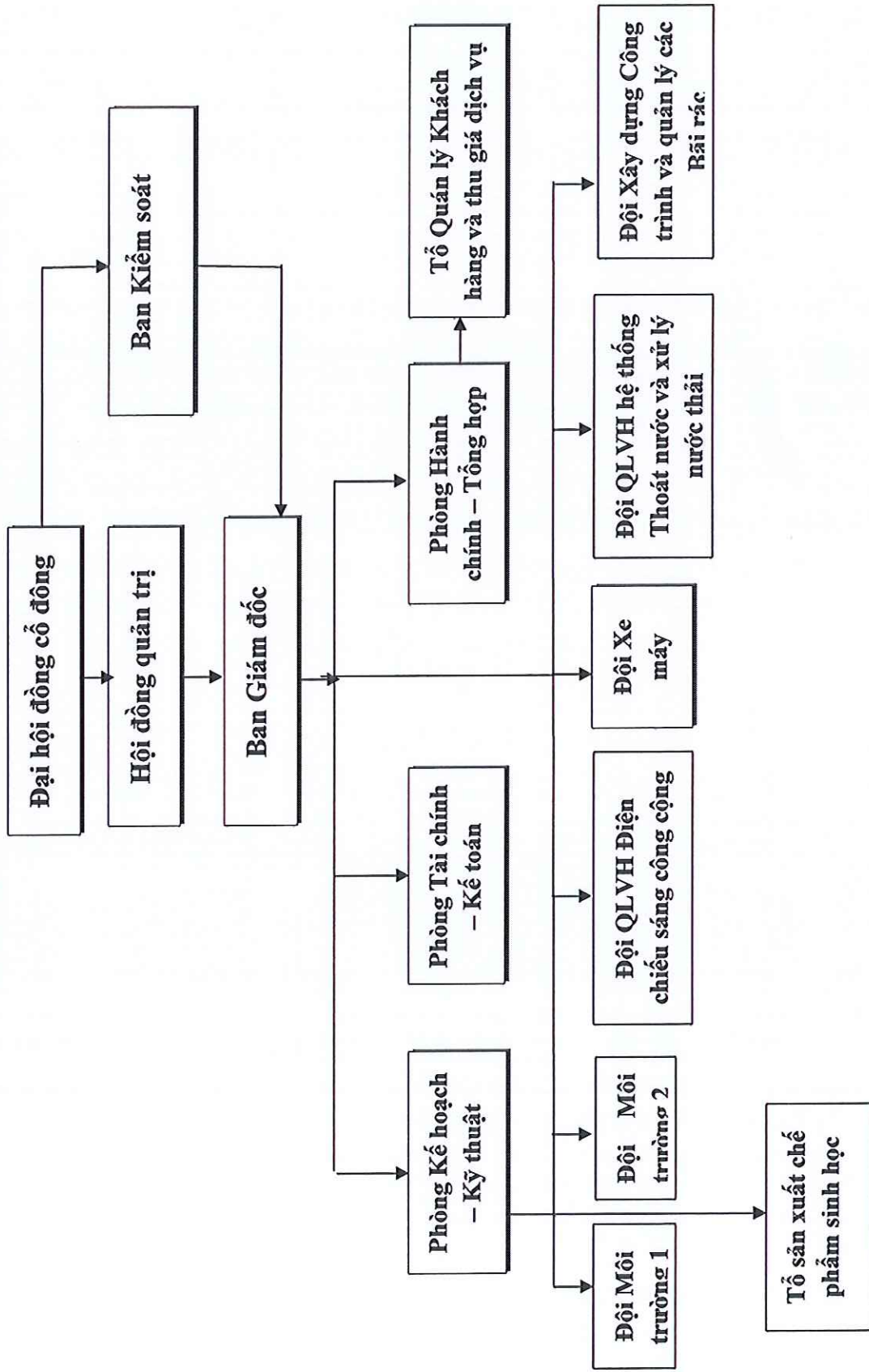
Địa bàn thành phố Đồng Hới và các khu vực lân cận.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

5.1 Mô hình quản trị Công ty:

Hiện tại, Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình



Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

AN
G
D
NH
JAN

5.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

• Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.

Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 08 thành viên (trong đó bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị và 07 thành viên) với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng nhận về quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- Quyết định mua lại cổ phần của Công ty được chào bán, nhưng không quá 10% số lượng cổ phần chào bán trong mỗi chu kỳ mười hai tháng.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị thấp hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ để báo cáo và đề xuất với Công ty.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban Giám đốc:**

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Giám đốc Công ty là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện các nghị quyết của hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của hội đồng quản trị, thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại và xây dựng với giá trị và quy mô theo ủy quyền phân cấp của Chủ tịch hội đồng quản trị, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị
- Phó Giám đốc là người giúp cho Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực

hoạt động của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

• **Các Phòng, Ban, Chi nhánh và Các đơn vị trực thuộc của Công ty:**

Các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách, cụ thể:

- **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:** Tham mưu cho Ban Giám đốc lập kế hoạch sản xuất của Công ty, kế hoạch giao khoán cho các Đội sản xuất để thực hiện nhiệm vụ được giao; Thực hiện chức năng quản lý: Môi trường, thiết bị xe máy, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, trang trí lễ hội, hệ thống vườn hoa cây xanh, hệ thống thoát nước, bãi rác, sản xuất chế phẩm sinh học và các dự án do Công ty làm chủ đầu tư. Đồng thời, Phòng tham mưu cho Giám đốc lập dự án nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật- tổng dự toán các công trình do Công ty làm chủ đầu tư, trình phê duyệt, lập hồ sơ đấu thầu, quản lý giám sát thi công.
- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty quản lý tài chính tuân thủ đúng theo các quy định của Việt Nam và nhà tài trợ, chịu trách nhiệm trực tiếp trước đơn vị và pháp luật về công việc thực hiện; Tổ chức, quản lý chặt chẽ công tác Tài chính - Kế toán, chịu trách nhiệm hạch toán và báo cáo theo các qui định về tài chính của Việt Nam. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước đơn vị và pháp luật các khoản: Thuế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Công đoàn và các khoản nộp khác đúng chế độ chính sách.
- **Phòng Hành chính – Tổng hợp:** Tham mưu cho Ban Giám đốc quản lý hệ thống văn thư lưu trữ, đánh máy, phô tô tài liệu, văn bản đã được Giám đốc phê duyệt, quản lý tài sản văn phòng, giao dịch phát hành lưu trữ các văn bản của Công ty; Quản lý hợp đồng lao động, tiền lương, BHXH và các chế độ của CNVC- LĐ trong Công ty đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, tham mưu cho Ban Giám đốc công tác tổ chức cán bộ, nâng lương, thi đua khen thưởng kỷ luật
- **Ban Quản lý các dự án:** Thực hiện quản lý các dự án đầu tư gồm: Dự án xây dựng tuyến đường khắc phục ngập úng hai bên sông Cầu Rào khu vực trung tâm TP Đồng Hới và các dự án khác do Công ty làm Chủ đầu tư. Đồng thời, trên cơ sở nhiệm vụ được giao, tổ chức lập kế hoạch hàng năm, 5 năm đề xuất các dự án đầu tư, chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện các bước tiếp theo
- **Đội Môi trường 1, 2:** Tổ chức thu gom rác thải theo giao khoán và hợp đồng ký kết; Sử dụng, quản lý các thiết bị, phương tiện thu gom rác do Công ty giao, các thùng rác công cộng, phục vụ trong việc quản lý. Đồng thời, thực hiện thu phí vệ sinh môi trường trên địa bàn đội được phân công quản lý.
- **Đội QLVH Điện chiếu sáng công cộng:** Quản lý, vận hành vận hành duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng của thành phố Đồng Hới.



- **Đội Xe máy:** Quản lý vận hành các phương tiện cơ giới của Công ty (xe chở rác, xe chuyên dùng khác). Quản lý công nhân trực tiếp lái xe, quản lý chất lượng hoạt động thời gian hoạt động xe máy, phát hiện hỏng hóc để đề nghị sửa chữa, theo dõi đề nghị bảo dưỡng định kỳ.
- **Đội QLVH hệ thống thoát nước và xử lý nước thải:** Quản lý, vận hành duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và Trạm xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Đồng Hới.
- **Đội XDCT và QL bãi rác:** Cân trọng lượng rác thải, ghi chép khối lượng, hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, sa lầy; San lấp các đống rác bằng phẳng, đầm nén trước khi đổ lớp rác tiếp theo.
- **Tổ sản xuất chế phẩm sinh học:** Nghiên cứu, phát triển ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ sản xuất công nghiệp, các tổ chức và cá nhân có nhu cầu; đồng thời, sản xuất các chế phẩm phục vụ rác thải theo yêu cầu của Công ty

5.3 Các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con: Không có.
- Các công ty liên kết: Không có.

6. Định hướng phát triển

6.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng nhằm phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển Công ty, từng bước đưa Công ty phát triển.

6.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- **Phát triển ngành nghề kinh doanh**
 - Chú trọng củng cố nâng cao thương hiệu của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực truyền thống là thu gom, vận chuyển xử lý rác thải và quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng.
 - Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn công ty, khai thác tốt nhất thương hiệu của công ty cho công tác thị trường.
 - Tăng cường liên minh, liên danh, liên kết với các đối tác, ưu tiên các đối tác, các bạn hàng truyền thống trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên.
 - Có ứng xử một cách khoa học, linh hoạt trong từng trường hợp, từng dự án cụ thể để đảm bảo hài hòa lợi ích của công ty.
 - Tiếp tục bám sát các thị trường công ty đang làm tốt, có uy tín.
- **Phát triển nguồn nhân lực**
 - Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.
- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.
- **Phát triển thương hiệu**
 - Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của công ty
 - Quảng bá hình ảnh Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.

6.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sảng – Xanh – Sạch – Đẹp trên tất các địa bàn mà công ty phục vụ.

7. Các rủi ro

7.1 Rủi ro kinh tế:

Kể từ khi tiến hành đổi mới, mở cửa để hội nhập với thế giới với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia một loạt các Hiệp định song phương, đa phương thì những biến động của nền kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.

Tốc độ đô thị hóa ngày một nhanh, trong khi đó cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, dẫn đến công tác phục vụ vệ sinh môi trường luôn luôn chạy theo, biến động liên tục trong những năm tới.

7.2 Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

7.3 Rủi ro luật pháp:

Pháp luật và những chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, do đó đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình kịp thời.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán....Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

7.4 Rủi ro đặc thù ngành

Với đặc điểm là một đơn vị cung cấp các dịch vụ công ích, cung ứng và chăm sóc cây xanh, cảnh quan thành phố, quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng, hoạt động của Công ty chịu tác động trực tiếp và rất mạnh mẽ của yếu tố khí hậu.

Là một thành phố biển, khí hậu vào mùa mưa lũ có những diễn biến hết sức phức tạp, gió bão tàn phá hệ thống cây xanh và hệ thống đèn chiếu sáng công cộng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty, tuy nhiên đây lại là yếu tố khách quan không thể tránh khỏi.

7.5 Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hoá hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm so với 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.425	52.206	20,22
Doanh thu thuần	43.425	52.206	20,22
Lợi nhuận gộp	10.353	11.617	12,21
Lợi nhuận thuần	4.401	4.827	9,68
Lợi nhuận khác	(4)	14	(450,00)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.398	4.842	10,10
Lợi nhuận sau thuế	3.516	3.872	10,13

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Bảng số 3: Tình hình thực hiện năm 2019 so với kế hoạch 2019 và năm 2018

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh (tăng/giảm) thực hiện 2019 với	
				Kế hoạch 2019 (%)	Thực hiện 2018 (*)
Tổng doanh thu (Tr. đồng)	45.404	46.000	54.552	18,59	20,15
Lợi nhuận trước thuế (Tr.đồng)	4.398	4.400	4.842	10,05	10,10
Lợi nhuận sau thuế (Tr.đồng)	3.516	3.520	3.872	10,00	10,13
Cổ tức (%/mệnh giá)	2%	2,3%	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 của Công ty)

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách ban điều hành:

Bảng số 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Thanh Chương	Giám đốc
2	Trương Công Định	Phó Giám đốc
3	Đình Xuân Trường	Kế toán trưởng

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành

Họ và tên:	Trần Thanh Chương
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	06/06/1960
Nơi sinh:	Xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Số 10, Hà Văn Cách, Đồng Hới, Quảng Bình
Số CMTND:	194044462, ngày 2/12/2009 tại CA. Quảng Bình
Điện thoại liên hệ:	0232.3889288
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	+ Kỹ sư ngành Thủy nông – Đại học Thủy Lợi Hà Nội + Thạc sỹ kỹ thuật ngành Thủy công – Đại học Thủy Lợi Hà Nội
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 8/1978 đến 12/1979: Chiến sỹ Quân đội nhân dân – Bộ Tư lệnh thiết giáp.

	<ul style="list-style-type: none"> + Từ tháng 12/1979 đến 10/1980: Xuất ngũ về địa phương + Từ tháng 10/1980 đến 12/1985: Sinh viên đại học Thủy lợi. + Từ tháng 12/1985 đến 6/1989: Cán bộ kỹ thuật Công ty XD TLI Bình Trị Thiên + Từ tháng 6/1989 đến 3/1990: Cán bộ kỹ thuật đội XLII Công ty XD TLI Quảng Bình. + Từ tháng 10/1990 đến 01/2002: Đội trưởng đội XLI, Công ty XD TLI Quảng Bình (nay là Công ty Bình Lợi) + Từ tháng 02/2002 đến 05/2003: Phó Giám đốc BQLDA các công trình XD CB thủy lợi, Sở NN&PTNT Quảng Bình + Từ tháng 05/2003 đến 08/2003: Cán bộ kỹ thuật BQLDA các công trình XD CB thủy lợi, Sở NN&PTNT Quảng Bình. + Từ tháng 8/2003 đến 10/2005: Chuyên viên BQL KCN cảng biển Hòn La. + Từ tháng 10/2005 đến 10/2006: Trưởng phòng QLĐT, BQL các KCN Quảng Bình + Từ tháng 10/2006 đến 7/2009: Phó Giám đốc, Công ty Phát triển hạ tầng các KCN, BQL các KCN Quảng Bình. + Từ tháng 7/2009 đến 01/2012: Giám đốc Công ty Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, BQL KKT Quảng Bình + Từ tháng 1/2012 đến 1/2017: Phó trưởng ban BQL KKT Quảng Bình + Từ tháng 1/2017 đến 2/2017: Cán bộ được UBND tỉnh điều động làm việc tại Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình + Từ tháng 3/2017 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường và PTĐT Quảng Bình.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	<ul style="list-style-type: none"> + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (Chiếm tỷ lệ: 0,14%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần



Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

Họ và tên:	Trương Công Định
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	25/04/1979
Nơi sinh:	Quảng Trị
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Xã Lương Ninh – Huyện Quảng Ninh – Tỉnh Quảng Bình
Số CMTND:	194158291 cấp ngày 29/8/2011 tại CA.Quảng Bình
Điện thoại liên hệ:	0232.3889288
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	+ Trung cấp tin học Đại học Sư phạm Đà Nẵng + Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Kỹ thuật XDCT, Đại học Duy Tân + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế - Đại học kinh tế Huế
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 4/2006 đến 12/2010: Cán bộ kỹ thuật Ban QLDA Vệ sinh môi trường Tp.Đồng Hới, Quảng Bình + Từ tháng 12/2010 đến 7/2012: Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình + Từ tháng 7/2012 đến 7/2016: Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật kiêm Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng – xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình + Từ tháng 8/2016 đến 2/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình + Từ tháng 3/2017 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường và PTĐT Quảng Bình.
Chức vụ đang nắm giữ tại	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Công ty:	
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 13.800 cổ phần (<i>chiếm 0,38 % vốn điều lệ</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

Họ và tên:	Đình Xuân Trường
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/11/1975
Nơi sinh:	Quảng Hòa – Ba Đồn – Quảng Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	TDP2, Phú Vinh, Bắc Nghĩa, Đồng Hới, Quảng Bình
Số CMTND:	044075000768 ngày 27/4/2017 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Điện thoại liên hệ:	0917970368
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	- Từ 1/2000 – 6/2006: Phó phòng TCKT – Xí nghiệp TCCG và Vận tải thuộc Công ty SXVL và Xây dựng COSEVCO I. - Từ 7/2006 – 12/2015: Kế toán Ban QLDA Vệ sinh môi trường thành phố Đồng Hới thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình. - Từ 1/2016 – 10/2016: Kế toán Ban chuẩn bị DA Phát triển môi trường HTĐT để ứng phó với BĐKH thành phố Đồng Hới thuộc Công ty TNHH MTV Môi trường và PTĐT Quảng Bình. - Từ 11/2016 – 10/2017: Phó phòng TCKT, phụ trách dự án ADB, Ban QLDA Môi trường và BĐKH thành phố Đồng Hới.

	- Từ 11/2017 – 3/2018: Phó phòng TCKT, Công ty CP Môi trường và PTĐT Quảng Bình. - Từ 4/2018 – đến nay: Phó phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty CP Môi trường và PTĐT Quảng Bình.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần (<i>chiếm 0,19% vốn điều lệ</i>) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.2 Những thay đổi ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng số 5: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019

STT	Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	217	100
1	Nam	76	35
2	Nữ	141	65
II	Phân theo Hợp đồng lao động	217	100
1	Hợp đồng mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng	7	3,2
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng - 36 tháng	12	5,5
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	198	91,3
III	Phân theo trình độ lao động	217	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	35	16,1
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	37	17
3	Trình độ phổ thông	145	66,9
IV	Phân theo Phòng, ban	217	100
1	Viên chức quản lý	5	2,3
2	Phòng Hành chính - Tổng hợp	7	3,2

3	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật	5	2,3
4	Phòng Tài chính - Kế toán	3	1,4
5	Đội Môi trường 1	65	30
6	Đội Môi trường 2	61	28,2
7	Đội QLVH Điện chiếu sáng công cộng	14	6,4
8	Đội Xe máy	12	5,5
9	Đội QLVH HT Thoát nước và xử lý nước thải	24	11
10	Đội Xây dựng công trình và QL Bãi rác	8	3,7
11	Tổ sản xuất chế phẩm sinh học	2	1
12	Tổ QL Khách hàng và thu giá dịch vụ	11	5

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

• **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng đối với sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, cụ thể như sau:

- **Chế độ làm việc:**

Theo quy định của Chính phủ thời gian làm việc 40 giờ/tuần, người lao động phải làm việc theo đúng thời gian quy định. Cụ thể dưới đây:

- + Khối văn phòng: Từ thứ 2 đến thứ 6 (Buổi sáng từ 7h30' - 11h 30'; buổi chiều từ 13h00' - 17h00').
- + Khối trực tiếp sản xuất: Làm việc theo cơ chế khoán sản phẩm và theo giờ quy định riêng.

Điều kiện làm việc tốt, an toàn môi trường được đảm bảo. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động, hưởng trợ cấp độc hại, chế độ bồi dưỡng ăn ca, làm thêm giờ....Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- **Chính sách đào tạo, tuyển dụng:**

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc và năng suất công việc cho người lao động. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm, quan tâm đến người lao động trong các ngày lễ tết.

Ngoài việc xét thưởng thường xuyên theo quy định, Giám đốc có thể thưởng đột xuất trong các trường hợp sau:

- Sáng tạo công nghệ mới, phương pháp tổ chức kinh doanh mới.

- Tìm việc làm từ 1,5 đến 2% tùy giá trị và tính chất công trình.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có sáng kiến cải tiến sản xuất đưa lại hiệu quả kinh tế.
- Phát hiện ra các vụ ăn cắp, gây lãng phí của Công ty và tài sản của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Bảng số 6: Tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm so với năm 2018
Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	1.225.457	1.170.426	(4,49)
Doanh thu thuần (triệu đồng)	43.425	52.206	20,22
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	4.401	4.828	9,70
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	(4)	14	(450,00)
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	4.398	4.842	10,10
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	3.516	3.872	10,13
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	20,91	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,70	3,49
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	3,63	3,49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1,75	2,06
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	52,41	55,88
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Lần	54,76	66,57

<u>Doanh thu thuần</u>	Lần	0,03	0,04
Tổng tài sản BQ			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số <u>Lợi nhuận sau thuế</u> Doanh thu thuần	%	8,10	7,42
Hệ số <u>Lợi nhuận sau thuế</u> Vốn chủ sở hữu BQ	%	8,75	9,22
Hệ số <u>Lợi nhuận sau thuế</u> Tổng tài sản BQ	%	0,28	0,32
Hệ số <u>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</u> Doanh thu thuần	%	10,14	9,25

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm năm 2019 của CTCP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 3.675.675 chứng khoán. Trong đó

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.435.675 cổ phiếu (chiếm 93,47%)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 240.000 cổ phiếu (chiếm 6,53%)

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 17/5/2019

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	207	3.675.675	100,00
1	Cổ đông nhà nước Cơ quan đại diện: UBND tỉnh Quảng Bình	01	2.995.175	81,49
2	Cá nhân	206	680.500	18,51
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00
1	Tổ chức	0	0	0,00
2	Cá nhân	0	0	0,00
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	207	3.675.675	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Bảng số 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 17/5/2019

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %/VĐL thực góp
1	UBND tỉnh Quảng Bình (cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước)	Số 6 đường Hùng Vương, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình	2.995.175	81,49

Tổng cộng	2.995.175	81,49
------------------	------------------	--------------

((Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp))

- 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.
- 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- 5.5 Các chứng khoán khác: Không.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
- 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:
- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm: Không
- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không
- 6.2 Tiêu thụ năng lượng:
- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không
- 6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.
- 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:
- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Số lượng lao động: 217 người.
 - Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 10: Mức lương trung bình đối với người lao động

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/giảm (%)
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	7,0	7,67	9,57

((Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình))

- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 11: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.425	52.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.425	52.206
4. Giá vốn hàng bán	33.072	40.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.353	11.617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.979	2.331
7. Chi phí tài chính	364	340
- Trong đó: Chi phí lãi vay	364	340

8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lí doanh nghiệp	7.567	8.779
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	4.401	4.828
11. Thu nhập khác	19	15
12. Chi phí khác	23	0,6
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	(4)	14
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	4.398	4.842
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	882	971
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	3.516	3.872
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	343	1.053
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

(*) Năm 2019, Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Điều hành, chi trả cổ tức trên lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, việc trích lập các quỹ, chi trả cổ tức sẽ được thực hiện sau khi có ý kiến của chủ sở hữu và được thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Công ty đã mở rộng đầu tư, cải tiến và tối ưu hoá công nghệ, năng lực cung cấp các dịch vụ hiện có, đa dạng hoá sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh. Phát huy nguồn nội lực, chọn lọc và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

Bảng số 12: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019

TÀI SẢN	Năm 2018 (Tr.đồng)	Năm 2019 (Tr.đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	60.224	65.753	9,18
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.606	6.857	(20,32)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.700	42.500	4,42
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	9.802	16.218	65,46
IV. Hàng tồn kho	1.136	83	(92,69)
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	95	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.165.213	1.104.673	(5,20)
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản cố định	1.163.995	1.101.324	(5,38)
1. TSCĐ hữu hình	1.163.946	1.101.303	(5,38)
2. TSCĐ vô hình	50	21	(58,00)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	532	3.154	492,86

V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.225.457	1.170.426	(4,49)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2018 - 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 (Tr.Đồng)	Năm 2019 (Tr.Đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
A. NỢ PHẢI TRẢ	21.387	24.126	(12,81)
I. Nợ ngắn hạn	16.301	18.829	15,51
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.945	1.994	2,52
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.100	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	828	909	9,78
4. Phải trả người lao động	2.467	4.148	68,14
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	293	103	(64,85)
6. Phải trả ngắn hạn khác	8.336	9.609	15,27
7. Vay và thuê tài chính ngắn hạn	547	273	(50,09)
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	81	285	251,85
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	704	1.508	114,20
II. Nợ dài hạn	5.086	5.297	4,15
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	4.646	4.373	(5,88)
2. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	440	924	110,00

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- **Nâng cao chất lượng tổ chức sản xuất kinh doanh:**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh khả thi và đặt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận cụ thể, chi tiết cho từng phòng, ban và bộ phận theo từng tháng, quý, 6 tháng và năm, đồng thời đề ra các biện pháp thực hiện Kế hoạch tối ưu và linh hoạt.
 - Trên cơ sở đặt hàng của UBND thành phố, Công ty khoán sản phẩm theo khối lượng cho các đội sản xuất và thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo từng tháng trên cơ sở nghiệm thu từ tổ đội, theo từng tuyến đường từng khu vực... Đồng thời, xây dựng các quy chế về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm từng bước đưa sản phẩm dịch vụ đáp ứng được yêu cầu đề ra.
 - **Đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Công ty**
 - Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại các phòng ban chức năng, đồng thời kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ.
 - Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức các cán bộ quản lý về các thủ tục hành chính, tổ chức hệ thống luân chuyển hồ sơ, cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành để đảm bảo xử lý chính xác, kịp thời các tình huống trong sản xuất và chấp hành đúng các chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo.
 - Tuyển dụng và kiện toàn đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tập trung vào các chuyên gia kỹ thuật, chuyên gia marketing
 - **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới, công nghệ mới**
 - Nghiên cứu, triển khai và hoàn thiện ứng dụng các công nghệ mới.
 - Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển.
 - Xây dựng mạng nội bộ từng phòng ban (mạng LAN); áp dụng thống nhất cùng 1 phần mềm quản lý.
 - Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác vệ sinh môi trường.
5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có
6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**
- a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):**
 Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong các lĩnh vực như: vận chuyển, xây dựng công trình, phá dỡ, lắp đặt hệ thống lò sưởi, điện,..., góp một phần không nhỏ vào sự xanh – sạch – đẹp trên địa bàn.
- b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**
 Người lao động tại Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tham gia ủng hộ biển đảo quê hương,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2019, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình giao cho. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, thu nhập người lao động ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông. Thành phố Đồng Hới có một diện mạo mới: đường phố ngày càng khang trang, xanh – sạch – đẹp; điện chiếu sáng công cộng đã chiếu sáng phần lớn các tuyến phố, ngõ xóm; cây hoa, thảm màu được trồng trang trí theo mùa; các công trình phúc lợi công cộng khang trang sạch đẹp, văn minh.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng, xây dựng hồ sơ đấu thầu cung cấp các dịch vụ công ích đô thị với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

2.1 Những việc đã làm được:

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.
- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2 Những hạn chế cần khắc phục:

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán

bộ quản lý. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành môi trường đô thị, trong năm 2020, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh như sau:

- Chỉ đạo sát sao đối với hoạt động cung ứng dịch vụ của công ty;
- Đầu tư nâng cấp một số công nghệ xử lý môi trường như: hệ thống xử lý nước rác, hệ thống xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tương ứng với nhu cầu của thị trường;
- Nâng cao và ổn định chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường;
- Cân đối giữa nguồn thu và chi để đáp ứng đủ nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh;
- Cân đối và chủ động trả nợ theo tiến độ đã cam kết với các tổ chức tín dụng cho vay vốn đầu tư xây dựng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 14: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Đức Thái	Chủ tịch HĐQT - Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (chiếm 0,54% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Quảng Bình: 2.995.175 cổ phần (chiếm 81,49% vốn điều lệ)
2	Trần Thanh Chương	Thành viên HĐQT, Giám đốc	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (chiếm 0,14% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
3	Trương Công Định	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 13.800 cổ phần (chiếm 0,38% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
4	Lê Viết Hợp	Thành viên HĐQT - Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 8.900 cổ phần (chiếm 0,24% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
5	Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT - Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.300 cổ phần (chiếm 0,28% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
6	Võ Thị Xuân	Thành viên	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.500 cổ phần

		HDQT - Không điều hành	(chiếm 0,18% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
--	--	------------------------------	--

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, năm 2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng, kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng;

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 15: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Thị Mỹ Thùy	Trưởng Ban kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 12.700 cổ phần (chiếm 0,35% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
2	Hoàng Văn Dương	Thành viên Ban kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần (chiếm 0,14% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
3	Nguyễn Thị Hồng Yến	Thành viên Ban kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.400 cổ phần (chiếm 0,15% vốn điều lệ) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 16: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

STT	Nội dung	Năm 2019 (đồng)
1	Lương của Chủ tịch HĐQT; Ban Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát	1.798.574.200
2	Thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	123.600.000
	Tổng cộng	1.922.174.200

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019 của Công ty và Công ty)

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thực hiện được thủ tục tham gia chứng kiến kiểm kê Tài sản cố định của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế lần



lượt là 1.525.371.400.548 VND và 424.068.565.534 VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến Tài sản cố định và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tính hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển Đô thị Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển Đô thị Quảng Bình cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 11/03/2019.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASCO. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2019 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <http://urencoquangbinh.com.vn/>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.



Phạm Đức Thái